

Thường Tín, ngày 29 tháng 12 năm 2020

Số: 27/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng- chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh, chức vụ: phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ (Quyết định ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020).

Người nhận ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn Anh:

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1993 - Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ

+ Bà Trịnh Chiêu M - chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ

+ Ông Nguyễn Thế K - chức vụ: chuyên viên xử lý nợ

(Giấy ủy quyền số 2565/2020/UQ- VPB ngày 25/9/2020).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thu C, sinh năm 1987

Anh Uông Tùng K, sinh năm 1975

Cùng trú tại: Xóm T, xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955

Anh Nguyễn Khương D, sinh năm 1982

Chị Mai Thị T, sinh năm 1987

Cùng trú tại: xóm T, xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên xác nhận là tạm tính đến ngày 21/12/2020 chị Nguyễn Thu C và anh Uông Tùng K còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền là:

+ Khoản vay 1: Theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 10/08/2016 chị Nguyễn Thu C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 126.876.733 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.732.904 đồng, nợ lãi quá hạn là 102.545.033 đồng, tổng cộng là 233.154.670 đồng;

+ Khoản vay 2: Theo Hợp đồng tín dụng số 12816310 ngày 10/04/2017 (kèm theo Khế ước nhận nợ lần 1/ Số 12816310) chị Nguyễn Thu C và anh Uông Tùng K còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 484.538.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 18.508.799 đồng,

nợ lãi quá hạn là 227.025.960 đồng, phạt chậm trả là 68.193.130 đồng, tổng cộng là 798.265.889 đồng.

2.2. Chị Nguyễn Thu C, anh Ông Tùng K phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng vào thời gian cụ thể như sau:

+ Ngày 31 tháng 01 năm 2021, chị Nguyễn Thu C và anh Ông Tùng K phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 30.000.000 đồng (số tiền được trừ vào nợ gốc).

+ Ngày 28 tháng 02 năm 2021, chị Nguyễn Thu C và anh Ông Tùng K phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 30.000.000 đồng (số tiền được trừ vào nợ gốc).

+ Ngày 31 tháng 03 năm 2021, chị Nguyễn Thu C và anh Ông Tùng K phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 30.000.000 đồng (số tiền được trừ vào nợ gốc).

+ Ngày 30 tháng 04 năm 2021, chị Nguyễn Thu C và anh Ông Tùng K phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 30.000.000 đồng (số tiền được trừ vào nợ gốc).

+ Ngày 31 tháng 05 năm 2021, chị Nguyễn Thu C phải tất toán toàn bộ khoản vay theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 10/08/2016 bao gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng.

+ Ngày 31 tháng 05 năm 2021, chị Nguyễn Thu C và anh Ông Tùng K phải tất toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 12816310 ngày 10/04/2017 bao gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng.

* Kể từ ngày 22/12/2020, chị Nguyễn Thu C tiếp tục phải chịu toàn bộ lãi phát sinh trên tổng dư nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 10/08/2016 cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

* Kể từ ngày 22/12/2020, chị Nguyễn Thu C và anh Ông Tùng K tiếp tục phải chịu toàn bộ lãi phát sinh trên tổng dư nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 12816310 ngày 10/04/2017 cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng

vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp chị Nguyễn Thu C không thanh toán được nợ theo thỏa thuận nêu trên của khoản vay theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 10/08/2016 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý thu hồi số tiền nợ theo quy định của pháp luật.

2.4. Trường hợp anh Ông Tùng K, chị Nguyễn Thu C vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 12816310 ngày 10/04/2017 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 02, tại xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất số I 592233, số vào sổ cấp GCN: 825 do UBND huyện Thường Tín, tỉnh Hà tây (nay là TP Hà Nội) cấp ngày 20/10/1996 mang tên ông Nguyễn Văn C để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 05/4/2017, số công chứng 1059/2017, quyển số 02-2017 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

3. Về án phí:

Do các bên tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Anh Ông Tùng K, chị Nguyễn Thu C tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thu C phải chịu án phí là: 5.828.000 đồng.

Anh Ông Tùng K, chị Nguyễn Thu C phải chịu án phí là: 17.965.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 19.500.000 đồng (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012520 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hiền